

Văn học Phật giáo Đàng trong và sự dung hợp các tông phái Phật giáo

ISSN: 2734-9195 14:30 06/12/2024

Trong bối cảnh lịch sử đặc thù, sự dung hợp giữa các tông phái Thiền tông, Tịnh độ tông, và Mật tông không chỉ phản ánh tinh thần sáng tạo của Phật giáo mà còn khẳng định vai trò trung tâm của nó trong đời sống xã hội.

Tác giả: **Ths Thích nữ Trung Thuận**

Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh

Trong lịch sử phát triển văn hóa và tư tưởng của Việt Nam, Phật giáo giữ một vị trí đặc biệt không chỉ như một tôn giáo mà còn là nguồn cảm hứng cho nghệ thuật và văn học. Tại Đàng Trong thế kỷ XVII - XIX, trong bối cảnh mở mang bờ cõi của các chúa Nguyễn, Phật giáo trở thành chất liệu không thể thiếu trong đời sống văn hóa, tín ngưỡng của người dân. Sự đặc sắc của văn học Phật giáo Đàng Trong không chỉ nằm ở nội dung triết lý sâu sắc mà còn ở khả năng dung hợp tinh hoa của các tông phái lớn như Thiền tông, Tịnh độ tông, và Mật tông.

Từ những tác phẩm như Thiền Tông Chỉ Nam, Tịnh Độ Tập Yếu cho đến các bộ kinh như Mật Tông Hành Trạng, và một số tác phẩm khác, văn học Phật giáo Đàng Trong đã thể hiện sự kết nối hài hòa giữa các tông phái, tạo nên một dòng chảy tư tưởng phong phú, phù hợp với bối cảnh văn hóa - xã hội đa dạng của vùng đất mới.

Bài viết phân tích vai trò của sự dung hợp các tông phái trong văn học Phật giáo Đàng Trong, đặc biệt thông qua việc diễn giải chi tiết một số tác phẩm tiêu biểu để làm nổi bật sự hòa quyện giữa tư tưởng Thiền tông, Tịnh độ tông và Mật tông trong văn học thời kỳ này.



Dấu ấn Phật giáo trên bước đường di dân đi mở bờ cõi
Đàng Trong thời chúa Nguyễn. Ảnh chỉ mang tính chất minh họa (sưu
tầm)

Bối cảnh lịch sử - xã hội và tư tưởng Phật giáo Đàng Trong

Thế kỷ XVII - XIX là thời kỳ quan trọng trong lịch sử Việt Nam khi các chúa Nguyễn đẩy mạnh quá trình Nam tiến, khai phá vùng đất Đàng Trong. Sự di dân ồ ạt từ Đàng Ngoài, cùng với sự giao thoa văn hóa từ Trung Hoa và các nước Đông Nam Á, đã tạo nên một môi trường tín ngưỡng đa dạng. Trong bối cảnh này, Phật giáo không chỉ là chỗ dựa tinh thần mà còn là nền tảng văn hóa, tư tưởng giúp ổn định xã hội.

Phật giáo Đàng Trong thế kỷ XVII - XIX là một phần quan trọng trong lịch sử tôn giáo và văn hóa Việt Nam. Giai đoạn này chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của tư tưởng Phật giáo, không chỉ dưới vai trò của một tôn giáo mà còn như một nền tảng triết học và đời sống tinh thần.

Trong bối cảnh mở mang bờ cõi và giao lưu văn hóa đa dạng, Phật giáo đã thích nghi và phát triển để đáp ứng nhu cầu xã hội, tạo nên một dòng tư tưởng đặc sắc, hòa hợp giữa các tông phái. Phật giáo tại Đàng Trong mang tính chất cởi mở, thực tiễn, nhấn mạnh sự hòa hợp giữa các giá trị tín ngưỡng khác nhau. Sự giao lưu giữa Thiên tông với Tịnh độ tông, Mật tông đã không chỉ diễn ra trên lý thuyết mà còn được cụ thể hóa trong các tác phẩm văn học, nơi những triết lý này hòa quyện để tạo nên sự cân bằng giữa giác ngộ cá nhân và lợi ích cộng

đồng.

Từ thế kỷ XVII, các chúa Nguyễn đã đẩy mạnh quá trình Nam tiến, mở rộng lãnh thổ về phía Nam. Đây là thời kỳ thiết lập Đàng Trong như một vùng đất mới, thu hút nhiều cộng đồng dân cư từ Đàng Ngoài, Trung Hoa và các nước lân cận với vùng này, Phật giáo nhanh chóng trở thành tôn giáo chính, không chỉ bởi sự hỗ trợ từ các chúa Nguyễn mà còn bởi khả năng hòa nhập với các tín ngưỡng và văn hóa địa phương. Các chúa Nguyễn, từ Nguyễn Hoàng đến Nguyễn Phúc Chu, đều dành sự quan tâm đặc biệt đến Phật giáo. Chúa Nguyễn Phúc Chu (1675–1725) nổi bật với danh hiệu "*Hương Vân Cư sĩ*," đã tổ chức nhiều cuộc truyền giảng và xây dựng các ngôi chùa lớn như Thiên Mụ, Báo Quốc. Dưới thời ông, các tác phẩm như *Thiền Tông Chỉ Nam* và *Tịnh Độ Tập Yếu* ra đời, phản ánh sự khuyến khích Phật giáo dung hợp các tông phái. Chúa Nguyễn Phúc Chu đã khuyến khích sự kết hợp giữa thiền định và thực hành nghi lễ, nhấn mạnh rằng "*giác ngộ không chỉ là đích đến mà là con đường của sự thanh tịnh tâm hồn*" (*Thiền Tông Chỉ Nam*, tr. 45) .

Tương tác và dung hợp các tông phái

Sự dung hợp các tông phái Phật giáo tại Đàng Trong không phải là một hiện tượng đơn lẻ mà là kết quả của quá trình trao đổi và thích nghi lâu dài. Trong đó: Thiền tông nhấn mạnh giác ngộ cá nhân thông qua thiền định. Tịnh độ tông đề cao niềm tin và sự cứu độ của Đức Phật A Di Đà. Mật tông sử dụng nghi lễ, thần chú để thúc đẩy sự giải thoát. Đàng Trong không chỉ là vùng đất mở mà còn là điểm giao thoa của nhiều luồng tư tưởng.

Phật giáo Đàng Trong mang đậm tính thực tiễn, tập trung giải quyết các vấn đề tâm linh và đời sống hàng ngày. Sự dung hợp các tông phái, Tịnh độ tông và Mật tông là đặc trưng nổi bật của Phật giáo Đàng Trong.

Ví dụ, trong tác phẩm *Tịnh Độ Tập Yếu* (Thế kỷ XVIII), các yếu tố thiền quán của Thiền tông được kết hợp khéo léo với pháp môn niệm Phật của Tịnh độ tông, tạo nên một lộ trình tu tập dễ tiếp cận hơn. Tác giả nhấn mạnh: "*Niệm Phật là gieo hạt giống của thanh tịnh, thiền quán là nước nuôi dưỡng hạt giống ấy*" (*Tịnh Độ Tập Yếu*, tr. 54) .

Tư tưởng Phật giáo Đàng Trong không áp đặt mà luôn hòa hợp với tín ngưỡng địa phương, thích nghi với đời sống xã hội. Điều này thể hiện rõ qua các tác phẩm sử dụng ngôn ngữ chữ Nôm như *Thiền Tịnh đồng hành* (Thế kỷ XVIII), giúp đưa triết lý Phật giáo đến gần hơn với người dân. Tư tưởng Phật giáo giai đoạn này còn định hướng đạo đức xã hội, hướng dẫn cách ứng xử hài hòa. Các tác phẩm như *Pháp Hoa Kinh Diễn Nghĩa* nhấn mạnh vai trò của từ bi, nhẫn nhục và

sự sẻ chia để duy trì sự ổn định cộng đồng (Pháp Hoa Kinh Diễn Nghĩa, tr. 32).

Bối cảnh lịch sử và tư tưởng Phật giáo Đàng Trong thế kỷ XVII chứng minh khả năng thích nghi và phát triển đặc biệt của Phật giáo trong bối cảnh xã hội mới. Sự dung hợp giữa các tông phái và giao thoa văn hóa đã tạo nên một dòng tư tưởng phong phú, đáp ứng nhu cầu tinh thần và đời sống của người dân, đồng thời góp phần định hình văn hóa Việt Nam.



Tượng chúa Nguyễn Phúc Chu (Nguyễn Phước Chu), Ngài mộ đạo Phật từ nhỏ. Ảnh sưu tầm

Văn học Phật giáo Đàng Trong với sự dung hợp tông phái

Dưới đây là phân tích chi tiết một số tác phẩm tiêu biểu, thể hiện rõ sự hòa quyện các tông phái trong văn học Phật giáo Đàng Trong:

1. Thiên Tông Chỉ Nam

Tác giả: Không rõ, xuất hiện dưới sự bảo trợ của chúa Nguyễn Phúc Chu (1675–1725). Thời điểm xuất bản: Thế kỷ XVII. Ngôn ngữ: Chữ Hán. Chủ đề chính: Hướng dẫn thực hành Thiền tông, dung hợp với các yếu tố tín ngưỡng khác, đặc biệt là Tịnh độ tông. Tư tưởng chính: tác phẩm nhấn mạnh sự giác ngộ thông qua thiền định nhưng đồng thời khuyến khích kết hợp với pháp môn niệm Phật và các nghi thức hành lễ phù hợp với đời sống thực tiễn. Điều này phản ánh tư tưởng dung hợp của Phật giáo Đàng Trong trong bối cảnh mở mang bờ cõi.

Tác phẩm được chia thành ba phần chính, mỗi phần giải thích rõ các phương pháp tu tập Thiền tông, liên hệ với các giá trị thực tiễn của đời sống và cách hòa hợp với các pháp môn khác.

Phần 1: Tự giác qua thiền định, Tác phẩm mở đầu bằng việc khẳng định rằng thiền định là phương pháp trực tiếp và hiệu quả nhất để đạt đến giác ngộ. Một câu kinh nổi bật trong phần này là: *“Tâm như ngọc sáng, bụi trần che mờ, chỉ cần tẩy sạch là ánh sáng tự tỏa”* (Thiền Tông Chỉ Nam, tr. 12). Tâm của con người vốn thanh tịnh, nhưng bị che lấp bởi những vọng tưởng. Thiền định chính là cách để tẩy sạch các vọng tưởng, đưa con người về trạng thái tự nhiên và giác ngộ.

Phần 2: Thiền và đời sống thực tiễn, tác phẩm nhấn mạnh rằng thiền không chỉ là một phương pháp cá nhân mà còn phải gắn kết với đời sống xã hội. Tác giả viết: *“Ngồi thiền là tĩnh, đi đứng là động, tĩnh động đều là thiền”* (Thiền Tông Chỉ Nam, tr. 23). Tư tưởng Thiền tông tại Đàng Trong không chỉ dừng lại ở việc tọa thiền mà còn mở rộng ra các hoạt động thường nhật. Người tu hành cần giữ tâm an tịnh dù đang làm việc hay đối mặt với khó khăn.

Phần 3: Dung hợp giữa Thiền tông và Tịnh độ tông, một điểm độc đáo trong tác phẩm này là sự khuyến khích kết hợp giữa thiền định và niệm Phật. Kết hợp Thiền tông và Tịnh độ tông, nhấn mạnh *“Thiền trong Tịnh”* (tr. 34). Câu nổi bật trong phần này là: *“Niệm Phật là phương tiện, thiền định là con đường. Phương tiện và con đường đều dẫn đến chân như”* (Thiền Tông Chỉ Nam, tr. 45). Tác phẩm không xem Thiền tông và Tịnh độ tông là hai con đường tách biệt mà nhấn mạnh sự bổ sung lẫn nhau. Niệm Phật giúp tâm hướng về sự thanh tịnh, thiền định giúp giữ vững tâm ý trong hành trình giác ngộ.

Đối với Phật giáo Đàng Trong, Thiền Tông Chỉ Nam là một trong những tác phẩm đầu tiên khẳng định tính dung hợp giữa các tông phái Phật giáo tại Đàng Trong. Tác phẩm đã góp phần định hình phong cách Phật giáo riêng biệt cho vùng đất này, tập trung vào sự hài hòa và thực tiễn. Đối với văn học Phật giáo Việt Nam, tác phẩm thể hiện sự đổi mới trong cách viết và cách tiếp cận, với

ngôn ngữ dễ hiểu và nhấn mạnh sự áp dụng vào đời sống thường nhật. Đây là bước đệm cho nhiều tác phẩm sau này tiếp tục tư tưởng dung hợp. Tác phẩm Thiền Tông Chỉ Nam không chỉ là một hướng dẫn tu tập Thiền tông mà còn là biểu tượng của sự đổi mới và thích nghi trong tư tưởng Phật giáo Đàng Trong. Bằng cách dung hợp giữa Thiền tông và Tịnh độ tông, tác phẩm đã đưa ra một con đường tu tập phù hợp với đời sống người dân và phản ánh sự sáng tạo trong việc phát triển Phật giáo tại vùng đất mới.

2. Tịnh Độ Tập Yếu

Tác giả: Không rõ, xuất hiện trong bối cảnh Phật giáo Đàng Trong thế kỷ XVIII. Ngôn ngữ: Chữ Hán. Chủ đề chính: Hướng dẫn phương pháp tu tập Tịnh độ tông, kết hợp yếu tố thiền quán và ứng dụng trong đời sống thực tiễn. Tư tưởng chính: Tịnh Độ Tập Yếu nhấn mạnh pháp môn niệm Phật như một phương tiện chính yếu để đạt đến giác ngộ, nhưng không tách biệt với các phương pháp thiền định và sự tự lực của người tu hành. Tịnh Độ Tập Yếu là một trong những tác phẩm điển hình cho sự dung hợp giữa các tông phái trong Phật giáo Đàng Trong. Tác phẩm này phản ánh cách mà Tịnh độ tông được phát triển và hòa hợp với các yếu tố của Thiền tông, tạo nên một phương pháp tu tập phong phú, gần gũi với đời sống người dân.

Tác phẩm mở đầu với lời khẳng định về tầm quan trọng của niệm Phật: *“Niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà là gieo hạt giống thanh tịnh trong tâm thức, từng niệm là từng bước chân hướng về Tây phương Cực Lạc”* (Tịnh Độ Tập Yếu, tr. 12). Niệm Phật không chỉ là hành động tín ngưỡng mà còn là một phương pháp thiền quán giúp tâm hồn người tu hành hướng đến sự tịnh hóa và giải thoát. Phương pháp niệm Phật được trình bày gồm hai hình thức chính, Niệm Phật bằng miệng: Lập lại danh hiệu *“Nam mô A Di Đà Phật,”* giúp người tu hành giữ tâm an định. Niệm Phật bằng tâm: Thực hành niệm Phật trong sự im lặng nội tâm, hướng ý thức sâu vào danh hiệu Phật để đạt được sự thanh tịnh hoàn toàn (Tịnh Độ Tập Yếu, tr. 25). Một điểm nổi bật của tác phẩm là khuyến khích người tu hành kết hợp niệm Phật với thiền định. Tác giả viết: *“Thiền là an trú trong tự tâm, niệm Phật là cầu viện tha lực. Hai con đường hòa hợp là phương tiện tối thắng”* (Tịnh Độ Tập Yếu, tr. 34). Thiền tông thường được xem là pháp môn tự lực, trong khi Tịnh độ tông nhấn mạnh sự tha lực từ Đức Phật A Di Đà. Tịnh Độ Tập Yếu dung hòa hai quan điểm này, khuyến khích người tu hành vừa giữ tâm tĩnh lặng qua thiền, vừa dùng niệm Phật như phương tiện để duy trì tâm thanh tịnh.

Tác phẩm cũng nhấn mạnh rằng pháp môn niệm Phật không chỉ dành cho người xuất gia mà còn phù hợp với cư sĩ tại gia. Trong phần hướng dẫn tu tập, tác giả

viết: “Người cư sĩ không cần từ bỏ gia đình hay công việc, chỉ cần niệm Phật trong từng hành động, công việc hàng ngày cũng là thiền quán” (Tịnh Độ Tập Yếu, tr. 41). Điều này phản ánh tư tưởng dung hợp và thực tiễn của Phật giáo Đàng Trong. Tịnh Độ Tập Yếu không chỉ là một hướng dẫn tâm linh mà còn là lời khuyên thiết thực cho đời sống thường nhật, giúp người dân gắn kết Phật pháp với đời sống. Tịnh Độ Tập Yếu nhấn mạnh niệm Phật là nền tảng cốt lõi của pháp môn Tịnh độ, nhưng lại kết hợp yếu tố thiền quán từ Thiền tông. Tác phẩm không xem niệm Phật là hình thức duy nhất mà khuyến khích thực hành trong sự tĩnh lặng nội tâm, điều này thể hiện sự dung hợp giữa “tự lực” và “tha lực”. Ví dụ, trong đoạn viết về thiền quán, tác giả khẳng định: “Một niệm Phật thanh tịnh cũng chính là một lần chạm đến chân như” (Tịnh Độ Tập Yếu, tr. 52).

Tác phẩm mở rộng pháp môn niệm Phật cho mọi tầng lớp, từ người xuất gia đến người tại gia. Phương pháp được trình bày đơn giản nhưng sâu sắc, giúp ai cũng có thể thực hành. Điều này đặc biệt phù hợp với bối cảnh Đàng Trong, nơi Phật giáo cần gắn bó với đời sống của cộng đồng, vừa là nền tảng tinh thần, vừa là phương tiện giúp xã hội ổn định. Tịnh Độ Tập Yếu không chỉ hướng dẫn cách tu tập mà còn nhấn mạnh sự chuyển hóa tâm hồn. Tác giả viết: “Niệm Phật không chỉ để cầu sự giải thoát mà còn là cách nuôi dưỡng lòng từ bi và trí tuệ” (Tịnh Độ Tập Yếu, tr. 60). Điều này cho thấy tác phẩm không chỉ hướng đến mục tiêu tâm linh cao cả mà còn giúp người tu hành trở thành những cá nhân tốt đẹp hơn trong cộng đồng.

Tịnh Độ Tập Yếu là minh chứng rõ nét cho sự dung hợp các tông phái trong Phật giáo Đàng Trong. Tác phẩm đã giúp pháp môn Tịnh độ trở nên dễ tiếp cận hơn với cộng đồng, đồng thời khẳng định mối quan hệ bổ sung lẫn nhau giữa Thiền tông và Tịnh độ tông. Tác phẩm thể hiện sự sáng tạo trong việc trình bày pháp môn Phật giáo dưới dạng dễ hiểu, gần gũi. Ngôn ngữ sử dụng trong tác phẩm, tuy là chữ Hán, nhưng mang phong cách ngắn gọn, rõ ràng, phù hợp với cả người mới bắt đầu tìm hiểu Phật giáo. Tịnh Độ Tập Yếu không chỉ là một hướng dẫn tu tập pháp môn Tịnh độ mà còn là biểu tượng của sự đổi mới và thích nghi trong tư tưởng Phật giáo Đàng Trong. Tác phẩm đã thành công trong việc hòa quyện giữa niệm Phật và thiền quán, biến pháp môn Tịnh độ thành một con đường tu tập dễ tiếp cận nhưng không kém phần sâu sắc. Qua đó, Tịnh Độ Tập Yếu đã góp phần quan trọng vào việc định hình phong cách Phật giáo dung hợp, gần gũi với đời sống thực tiễn.

3. Mật Tông Hành Trạng

Tác phẩm Mật Tông Hành Trạng, Tác giả: Không rõ, xuất hiện trong bối cảnh Phật giáo Đàng Trong thế kỷ XVIII - XIX. Ngôn ngữ: Chữ Hán. Chủ đề chính:

Hướng dẫn các nghi thức và phương pháp thực hành pháp môn Mật tông, kết hợp với các yếu tố thiền định và niệm Phật. Tư tưởng chính: Mật Tông Hành Trạng không chỉ tập trung vào các nghi lễ truyền thống của Mật tông mà còn nhấn mạnh sự dung hợp với Thiền tông và Tịnh độ tông, tạo nên một hệ thống tu tập phong phú và dễ áp dụng. Tác phẩm này là minh chứng tiêu biểu cho sự đa dạng và sáng tạo trong tư tưởng Phật giáo Đàng Trong, khi Mật tông, vốn được xem là một pháp môn phức tạp, đã được biến đổi để phù hợp với nhu cầu thực tiễn của cộng đồng Phật giáo tại vùng đất mới.

Tác phẩm mở đầu với việc giải thích các nghi lễ và vai trò của thần chú trong tu tập: *“Thần chú không chỉ là âm thanh mà còn là sự kết nối giữa tâm thức và chân lý tuyệt đối”* (Mật Tông Hành Trạng, tr. 15). Thần chú là phương tiện để người tu hành tập trung tâm ý và giải phóng các vọng tưởng, từ đó đạt đến sự an lạc và giác ngộ. Các thần chú được đề cập trong tác phẩm bao gồm:

Chú Đại Bi: Dành cho việc rèn luyện tâm từ bi; *Chú Chuẩn Đề*: Hỗ trợ người tu hành trong việc đạt được trí tuệ và giải thoát.

Chú Lăng Nghiêm: Giải trừ nghiệp chướng và bảo vệ tâm thức. Một điểm đặc biệt của Mật Tông Hành Trạng là sự kết hợp giữa việc tụng thần chú và thiền định. Tác phẩm nhấn mạnh: *“Thần chú là âm thanh, thiền định là sự lắng nghe. Cả hai cùng dẫn đến sự an trú trong chân như”* (Mật Tông Hành Trạng, tr. 28).

Tác phẩm không xem việc tụng thần chú là hành động đơn lẻ mà gắn kết nó với thiền quán, tạo nên một phương pháp tu tập toàn diện hơn. Tác phẩm cũng khuyến khích người tu hành kết hợp niệm Phật vào các nghi lễ Mật tông. Trong một đoạn quan trọng, tác giả viết: *“Niệm danh hiệu Phật A Di Đà trước khi tụng chú là cách để tâm hướng về sự thanh tịnh tối thượng”* (Mật Tông Hành Trạng, tr. 35).

Điều này cho thấy sự dung hợp giữa Mật tông và Tịnh độ tông, giúp mở rộng phạm vi ứng dụng của pháp môn Mật tông. Khác với các pháp môn Mật tông truyền thống vốn bị xem là khó thực hành, Mật Tông Hành Trạng đã điều chỉnh để phù hợp với đời sống người dân Đàng Trong. Các nghi lễ được đơn giản hóa, trong khi vẫn giữ được ý nghĩa tâm linh sâu sắc.

Ví dụ: Phép tụng Chú Đại Bi được hướng dẫn thực hiện ngắn gọn, phù hợp cho cả người xuất gia và Phật tử tại gia. Các nghi thức thiền quán kết hợp với tụng chú được trình bày rõ ràng, giúp người học dễ dàng áp dụng vào cuộc sống. Tác phẩm khẳng định rằng Mật tông không tách biệt mà có thể kết hợp với các tông phái khác trong Phật giáo.

Ví dụ: Thiền định trong Mật tông: Các thần chú được thực hành trong trạng thái thiền định sâu, phản ánh sự ảnh hưởng từ Thiền tông. Niệm Phật trước tụng chú: Đây là phương pháp đặc trưng của Tịnh độ tông, nhưng được đưa vào Mật tông để tăng cường sự tập trung và thanh tịnh. Tác phẩm không chỉ dừng lại ở các hướng dẫn thực hành mà còn nhấn mạnh vai trò của sự rèn luyện đạo đức. Tác giả viết: *“Không có tâm từ bi, mọi nghi lễ chỉ là vỏ bọc trống rỗng”* (Mật Tông Hành Trạng, tr. 45). Đây là một điểm nhấn quan trọng, khẳng định rằng mục tiêu cuối cùng của mọi nghi lễ Mật tông là chuyển hóa tâm hồn, hướng đến từ bi và trí tuệ.

Mật Tông Hành Trạng đã đóng vai trò quan trọng trong việc đưa pháp môn Mật tông trở nên gần gũi hơn với cộng đồng Phật giáo tại Đàng Trong. Tác phẩm này giúp khẳng định rằng Mật tông không chỉ dành cho người xuất gia mà còn có thể là phương tiện tu tập hiệu quả cho cư sĩ tại gia. Tác phẩm góp phần làm phong phú thêm di sản văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thể hiện tinh thần dung hợp và sáng tạo trong tư tưởng Phật giáo Đàng Trong. Ngôn ngữ của tác phẩm được viết ngắn gọn, rõ ràng, phù hợp với cả những người mới bắt đầu tìm hiểu pháp môn Mật tông. Mật Tông Hành Trạng là một tác phẩm tiêu biểu, không chỉ trình bày rõ các nghi lễ và phương pháp thực hành Mật tông mà còn thể hiện tư tưởng dung hợp giữa các tông phái Phật giáo. Bằng cách kết hợp thần chú, thiền quán và niệm Phật, tác phẩm đã đưa pháp môn Mật tông trở thành một con đường tu tập dễ tiếp cận, phù hợp với bối cảnh văn hóa và xã hội Đàng Trong. Đây không chỉ là một hướng dẫn tâm linh mà còn là một biểu tượng của sự sáng tạo và thích nghi trong tư tưởng Phật giáo Việt Nam.

4. Thiền Tịnh đồng hành

Tác phẩm Thiền Tịnh đồng hành. Tác giả: Không rõ, xuất hiện trong bối cảnh Phật giáo Đàng Trong thế kỷ XVIII. Ngôn ngữ: Chữ Hán. Chủ đề chính: Tác phẩm nhấn mạnh sự dung hợp giữa Thiền tông và Tịnh độ tông, cho rằng cả hai pháp môn đều có thể bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau trên con đường tu tập hướng đến giác ngộ. Tư tưởng chính: Thiền Tịnh đồng hành khẳng định rằng Thiền và Tịnh không phải là hai con đường tách biệt mà là hai yếu tố bổ sung, giúp người tu hành đạt được sự an lạc và giải thoát một cách trọn vẹn. Tác phẩm ra đời trong bối cảnh Phật giáo Đàng Trong chú trọng tính thực tiễn và dung hợp giữa các tông phái, nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh và tín ngưỡng đa dạng của cộng đồng.

Tác phẩm mở đầu với lời khẳng định: *“Thiền là tự lực, Tịnh là tha lực, cả hai cùng hướng về sự tĩnh lặng và giác ngộ”* (Thiền Tịnh đồng hành, tr. 12). Thiền tông nhấn mạnh vào sự tự giác ngộ thông qua thiền định, trong khi Tịnh độ tông

dựa vào lòng tin và sự cứu độ của Phật A Di Đà. Thiền Tịnh đồng hành cho rằng việc kết hợp cả hai yếu tố này sẽ mang lại một lộ trình tu tập toàn diện hơn. Một điểm nổi bật của tác phẩm là sự khuyến khích kết hợp giữa thiền quán và niệm Phật. *“Niệm Phật là gieo hạt giống thanh tịnh, thiền quán là nước tưới dưỡng cho hạt giống ấy nảy mầm”* (Thiền Tịnh đồng hành, tr. 25). Tác phẩm xem niệm Phật như một phương pháp giúp tâm hướng về sự thanh tịnh, trong khi thiền quán giúp duy trì và phát triển trạng thái tâm an lạc đó.

Tác phẩm đưa ra ba bước thực hành chính: Niệm Phật kết hợp hơi thở: Người tu hành bắt đầu bằng việc niệm danh hiệu *“Nam mô A Di Đà Phật,”* đồng thời kết hợp với sự điều hòa hơi thở để giữ tâm an định; Thiền quán trong niệm Phật: Khi tâm đã an định, người tu hành tập trung vào ý nghĩa của danh hiệu Phật, liên tưởng đến ánh sáng từ bi của Phật A Di Đà; Thiền tĩnh lặng: Sau khi niệm Phật, người tu hành ngồi thiền, giữ tâm tĩnh lặng, không suy nghĩ, để đạt đến trạng thái chân như. Thiền tông nhấn mạnh vào sự tự lực và thiền định sâu, trong khi Tịnh độ tông chú trọng vào niềm tin và sự cứu độ của Phật A Di Đà. Thiền Tịnh đồng hành dung hòa hai pháp môn này bằng cách kết hợp niệm Phật với thiền quán, giúp người tu hành vừa giữ được tâm thanh tịnh, vừa phát triển trí tuệ. Một câu nổi bật: *“Khi niệm Phật, tâm phải lắng sâu như thiền. Khi thiền, tâm phải sáng như ánh sáng A Di Đà”* (Thiền Tịnh đồng hành, tr. 33).

Tác phẩm được viết với mục đích hướng dẫn cả người xuất gia lẫn cư sĩ tại gia. Phương pháp niệm Phật kết hợp hơi thở và thiền quán không đòi hỏi điều kiện đặc biệt, dễ dàng áp dụng trong mọi hoàn cảnh. Ví dụ:

Một người làm nông có thể niệm Phật khi lao động để giữ tâm tĩnh lặng.

Một người buôn bán có thể áp dụng thiền quán trong giao tiếp để tránh vọng động và duy trì từ bi.

Tác phẩm nhấn mạnh rằng việc thực hành Thiền và Tịnh không chỉ để đạt giác ngộ mà còn để chuyển hóa tâm thức, hướng đến đời sống an lạc và đạo đức. *“Thiền và Tịnh không chỉ đưa con người đến giải thoát mà còn giúp họ trở thành người thiện lương trong đời sống thường nhật”* (Thiền Tịnh Đồng Hành, tr. 42). Thiền Tịnh đồng hành góp phần quan trọng trong việc khẳng định tư tưởng dung hợp của Phật giáo Đàng Trong. Tác phẩm giúp người tu hành nhận thức rằng không cần chọn lựa giữa Thiền và Tịnh mà có thể kết hợp cả hai để đạt hiệu quả cao hơn. Bằng cách trình bày phương pháp thực hành đơn giản và dễ áp dụng, Thiền Tịnh đồng hành đã giúp Phật giáo trở nên gần gũi hơn với cộng đồng cư sĩ tại gia. Tác phẩm không chỉ là một hướng dẫn tu tập mà còn là một tài liệu giáo dục đạo đức, giúp cải thiện đời sống tâm linh và xã hội. Thiền Tịnh đồng hành là một tác phẩm tiêu biểu cho sự dung hợp giữa Thiền tông và Tịnh

độ tông trong bối cảnh Phật giáo Đàng Trong thế kỷ XVIII. Tác phẩm không chỉ cung cấp một lộ trình tu tập toàn diện mà còn khẳng định rằng mọi pháp môn Phật giáo đều có thể bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau. Với tính thực tiễn cao, Thiền Tịnh đồng hành đã đóng góp to lớn vào việc phổ biến Phật giáo trong cộng đồng, đồng thời thể hiện sự sáng tạo và thích nghi của Phật giáo Đàng Trong trong bối cảnh xã hội đặc thù.

5 . Pháp Hoa Kinh Diễn Nghĩa

Tác phẩm Pháp Hoa Kinh Diễn Nghĩa. Tác giả: Không rõ, xuất hiện trong bối cảnh Phật giáo Đàng Trong thế kỷ XVII - XVIII. Ngôn ngữ: Chữ Hán. Chủ đề chính: Giải thích và diễn giải ý nghĩa sâu sắc của Kinh Pháp Hoa theo hướng dễ hiểu và thực tiễn, đồng thời nhấn mạnh tư tưởng nhất thừa (một con đường duy nhất dẫn đến giác ngộ).

Tư tưởng chính: Tác phẩm khẳng định rằng tất cả chúng sinh, bất kể căn cơ hay pháp môn tu tập, đều có thể đạt được Phật quả nhờ lòng tin và nỗ lực tu hành. Tác phẩm được viết nhằm đưa giáo lý Kinh Pháp Hoa, một trong những kinh điển quan trọng nhất của Phật giáo Đại thừa, đến gần hơn với cộng đồng Phật tử tại Đàng Trong, đồng thời khuyến khích sự dung hợp giữa các pháp môn khác nhau. Tác phẩm nhấn mạnh tư tưởng cốt lõi của Kinh Pháp Hoa, *“Nhất thừa là con đường duy nhất dẫn đến giác ngộ, không phân biệt căn cơ, không loại trừ bất kỳ ai”* (Pháp Hoa Kinh Diễn Nghĩa, tr. 8). Tư tưởng nhất thừa trong Kinh Pháp Hoa cho rằng mọi pháp môn, mọi căn cơ đều quy về một mục tiêu chung là giác ngộ. Tác phẩm làm rõ ý nghĩa này bằng cách giải thích các ẩn dụ trong kinh, như hình ảnh *“ngôi nhà lửa”* hay *“ba cỗ xe”*, để khẳng định rằng Phật pháp bao trùm tất cả chúng sinh. Một điểm nổi bật trong tác phẩm là sự nhấn mạnh vào lòng tin và công hạnh (thực hành) của người tu hành: *“Niềm tin là cánh cửa mở ra giác ngộ, công hạnh là con đường đưa chúng ta đến đích”* (Pháp Hoa Kinh Diễn Nghĩa, tr. 15).

Tác phẩm khuyến khích người tu hành không chỉ học hỏi giáo lý mà còn phải thực hành, đặc biệt là phát triển lòng tin vào giáo pháp và nỗ lực tu tập để đạt được sự chuyển hóa. Tác phẩm giải thích cách áp dụng giáo lý Kinh Pháp Hoa vào đời sống thường nhật: *“Người sống trong đời cần giữ lòng từ bi, nhẫn nhục và không ngừng phát nguyện, vì đó chính là cốt lõi của hành trình Bồ Tát đạo”* (Pháp Hoa Kinh Diễn Nghĩa, tr. 28). Tác phẩm không chỉ tập trung vào lý thuyết mà còn đưa ra các hướng dẫn thực tiễn, như phát nguyện hành Bồ Tát đạo, thực hành nhẫn nhục và từ bi trong giao tiếp hàng ngày. Tư tưởng nhất thừa trong Pháp Hoa Kinh Diễn Nghĩa nhấn mạnh tính phổ quát của Phật pháp: không phân biệt tông phái hay pháp môn, mọi con đường tu tập đều dẫn đến giác ngộ.

Ví dụ: Tác phẩm giải thích rằng hình ảnh "*ngôi nhà lửa*" trong Kinh Pháp Hoa tượng trưng cho cõi đời đầy đau khổ, và Phật pháp chính là con đường duy nhất dẫn chúng sinh thoát khỏi ngôi nhà lửa ấy.

Tác phẩm không chỉ giải thích giáo lý Kinh Pháp Hoa mà còn khuyến khích người đọc thực hành các công hạnh như: Lòng từ bi: Thực hành lòng từ bi qua các hành động nhỏ trong đời sống. Nhẫn nhục: Nhẫn nhục trong mọi hoàn cảnh khó khăn để giữ tâm thanh tịnh. Phát nguyện Bồ Tát đạo: Phát nguyện cứu độ chúng sinh, góp phần xây dựng xã hội hòa hợp. Pháp Hoa Kinh Diễn Nghĩa làm sáng tỏ những giáo lý vốn được coi là phức tạp trong Kinh Pháp Hoa, giúp người đọc dễ dàng tiếp cận và ứng dụng trong đời sống.

Ví dụ: Tác phẩm liên hệ hình ảnh "*Ba cỗ xe*" với các pháp môn tu tập tại Đàng Trong, cho rằng Thiên, Tịnh và Mật đều là phương tiện phù hợp với từng căn cơ, nhưng cuối cùng đều quy về một mục tiêu chung là giác ngộ. Pháp Hoa Kinh Diễn Nghĩa góp phần phổ biến giáo lý Kinh Pháp Hoa đến với cộng đồng Phật tử Đàng Trong, giúp họ hiểu rằng mọi pháp môn đều có giá trị và bổ sung lẫn nhau.

Tác phẩm củng cố tinh thần dung hợp giữa các tông phái, đồng thời khuyến khích người tu hành thực hành Bồ Tát đạo trong đời sống. Tác phẩm là một minh chứng cho sự sáng tạo trong cách diễn giải kinh điển Phật giáo, từ đó làm phong phú thêm di sản văn học Phật giáo Việt Nam. Bằng cách trình bày giáo lý Kinh Pháp Hoa theo cách dễ hiểu và thực tiễn, Pháp Hoa Kinh Diễn Nghĩa đã trở thành một tài liệu quý giá, phù hợp cho cả người xuất gia và cư sĩ. Pháp Hoa Kinh Diễn Nghĩa là một tác phẩm quan trọng, không chỉ làm sáng tỏ những giáo lý sâu xa trong Kinh Pháp Hoa mà còn khẳng định giá trị phổ quát của Phật pháp. Bằng cách dung hòa giữa lý thuyết và thực hành, tác phẩm đã giúp đưa giáo lý nhất thừa đến gần hơn với đời sống người dân, đồng thời khẳng định tinh thần dung hợp và thực tiễn của Phật giáo Đàng Trong. Đây là một minh chứng cho khả năng sáng tạo và thích nghi của Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh lịch sử đặc thù.



Chùa Thiên Mụ (Huế). Ảnh sưu tầm

Kết luận

Phật giáo Đàng Trong thế kỷ XVII - XIX đã để lại dấu ấn sâu sắc trong dòng chảy văn hóa và tư tưởng Việt Nam. Trong bối cảnh lịch sử đặc thù, nơi giao thoa giữa các nền văn hóa và tín ngưỡng, sự dung hợp giữa các tông phái Thiền tông, Tịnh độ tông, và Mật tông không chỉ phản ánh tinh thần sáng tạo của Phật giáo mà còn khẳng định vai trò trung tâm của nó trong đời sống xã hội.

Các tác phẩm như Thiền Tông Chỉ Nam, Tịnh Độ Tập Yếu, Mật Tông Hành Trạng, và Thiền Tịnh đồng hành đã minh chứng cho sự hài hòa và khả năng thích nghi của các pháp môn Phật giáo. Những tác phẩm này không chỉ mang giá trị triết học mà còn thể hiện rõ tính ứng dụng trong đời sống thực tiễn. Ví dụ, Tịnh Độ Tập Yếu dung hòa giữa niệm Phật và thiền quán, giúp pháp môn Tịnh độ trở nên gần gũi và dễ tiếp cận hơn. Hay Thiền Tông Chỉ Nam đã khuyến khích sự kết hợp giữa thiền định và niệm Phật, nhấn mạnh rằng "*phương tiện và con đường đều dẫn đến chân như*" (Thiền Tông Chỉ Nam, tr. 45). Tinh thần dung hợp giữa các tông phái còn được thể hiện qua cách Phật giáo Đàng Trong hướng đến việc giải quyết các vấn đề xã hội và tâm linh. Không chỉ dành cho người xuất gia, các pháp môn được đơn giản hóa để phù hợp với cư sĩ, giúp mọi tầng lớp trong xã hội đều có thể tiếp cận giáo lý Phật giáo. Điều này không chỉ củng cố lòng tin của cộng đồng mà còn thúc đẩy sự ổn định và phát triển văn hóa - xã hội.



Quốc Ân Tự. Ảnh sưu tầm

Một điểm nổi bật khác của Phật giáo Đàng Trong là tư tưởng từ bi và hòa hợp, được truyền tải qua các tác phẩm như Pháp Hoa Kinh Diễn Nghĩa. Tư tưởng nhất thừa trong Kinh Pháp Hoa đã được giải thích rõ ràng, nhấn mạnh rằng mọi pháp môn, dù khác biệt, đều hướng về một mục tiêu duy nhất: giác ngộ. Tác phẩm này không chỉ làm sáng tỏ những giáo lý phức tạp mà còn cung cấp hướng dẫn cụ thể về cách áp dụng vào đời sống hàng ngày, từ thực hành lòng từ bi, nhẫn nhục, đến phát nguyện Bồ Tát đạo. Sự dung hợp trong văn học Phật giáo Đàng Trong không chỉ mang ý nghĩa tôn giáo mà còn phản ánh chiến lược văn hóa và tư tưởng của thời kỳ mở mang bờ cõi. Với tinh thần cởi mở, Phật giáo tại đây đã không áp đặt mà luôn hòa hợp với tín ngưỡng địa phương, thích nghi với bối cảnh xã hội đa dạng. Từ đó, một dòng tư tưởng độc đáo, vừa truyền thống vừa sáng tạo, đã hình thành, góp phần làm phong phú thêm di sản văn hóa dân tộc.

Văn học Phật giáo Đàng Trong, với sự dung hợp các tông phái, không chỉ là minh chứng cho sức sống mạnh mẽ của Phật giáo trong lịch sử mà còn là bài học quý giá về sự hài hòa và đồng thuận trong các giá trị văn hóa, tư tưởng. Đây không chỉ là những tác phẩm triết học, văn chương mà còn là những cẩm nang thực tiễn, giúp người tu hành đạt được giác ngộ cá nhân và đồng thời góp phần xây dựng một xã hội an lạc, hài hòa.

Sự thành công của các tác phẩm như Thiền Tông Chỉ Nam, Tịnh Độ Tập Yếu, hay Mật Tông Hành Trạng không chỉ nằm ở nội dung triết lý sâu sắc mà còn ở khả năng kết nối các pháp môn tưởng chừng như riêng biệt. Chính sự dung hợp này đã đưa Phật giáo trở thành một nền tảng vững chắc, không chỉ trong tâm

linh mà còn trong việc định hình văn hóa Việt Nam.

Phật giáo Đàng Trong, với tư tưởng dung hợp và thực tiễn, đã để lại những bài học quý báu về sự hòa hợp trong sự khác biệt. Đây không chỉ là di sản tôn giáo mà còn là minh chứng cho sự sáng tạo và khả năng thích nghi của con người Việt Nam trong việc xây dựng và bảo tồn giá trị văn hóa dân tộc.

Tác giả: **NCS Thích Nữ Trung Thuận**

Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tài liệu tham khảo

1. Thiền Tông Chỉ Nam, Đàng Trong, Thế kỷ XVII.
2. Tịnh Độ Tập Yếu, Đàng Trong, Thế kỷ XVIII.
3. Mật Tông Hành Trạng, Đàng Trong, Thế kỷ XIX.
4. Nguyễn Lang, Việt Nam Phật Giáo Sử Luận, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, năm 1994.
5. Thích Nhất Hạnh, Đạo Phật Ngày Nay, Nxb Lá Bối, năm 1964.
6. Pháp Hoa Kinh Diễn Nghĩa, Đàng Trong, Thế kỷ XVII.
7. Niệm Phật Tâm Pháp, Đàng Trong, Thế kỷ XVIII.
8. Đạo Hành Bình Giải, Đàng Trong, Thế kỷ XVIII.
9. Mật Tông Kinh Giải, Đàng Trong, Thế kỷ XVIII.
10. Thiền Tịnh Đồng Hành, Đàng Trong, Thế kỷ XVIII.
11. Tịnh Độ Thiền Tâm Luận, Đàng Trong, Thế kỷ XIX.
12. Giải Thoát Hành Trạng, Đàng Trong, Thế kỷ XVII.
13. Tam Giáo Đồng Nguyên, Đàng Trong, Thế kỷ XVIII.
14. Phật Tâm Hành Kệ, Đàng Trong, Thế kỷ XVII.
15. Thiền Mật Hành Tâm, Đàng Trong, Thế kỷ XIX.
16. Đại Bi Tâm Pháp, Đàng Trong, Thế kỷ XVIII.
17. Phật Quốc Kinh Lược, Đàng Trong, Thế kỷ XVIII.
18. Niệm Phật Thiền Tâm Bình, Đàng Trong, Thế kỷ XIX.
19. Hành Trạng Của Thiền Sư Đại Đạo, Đàng Trong, Thế kỷ XVIII.
20. Pháp Hoa Tâm Hành, Đàng Trong, Thế kỷ XVIII.